

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HS-ST

Ngày: 08 - 01 -2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tâm

Ông Nguyễn Văn Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thai - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2024/TLST-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Văn T, sinh năm 1989; tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú ấp B, L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1963 và bà Danh Thị N, sinh năm 1960; có vợ Trần Thùy T2, sinh năm 1989 và 03 người con, lớn 08 tuổi, nhỏ 02 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/11/2024 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Chị Lê Thị Huỳnh G, sinh năm 1984; nơi cư trú ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Phạm Thế T3, sinh năm 1994; nơi cư trú ấp C, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1988; nơi cư trú ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2022 bị cáo Trịnh Văn T đã gặp và quen biết với chị Lê Thị Huỳnh G, thấy chị G là người có tiền nên T đã nảy sinh ý định lừa đảo để

chiếm đoạt tiền của chị G tiêu xài. Từ đó, T đã đưa ra thông tin gian dối đối với chị G là gần nhà T nhiều người có nhu cầu vay vốn, T kêu chị G đưa tiền T sẽ cho họ vay rồi lấy tiền lãi đưa chị G, do đó chị G đã tin tưởng thông tin T nói và đã nhiều lần đưa tiền cho T. Khoảng thời gian từ ngày 19/8/2022 đến ngày 04/3/2023 chị G đã nhiều lần đưa tiền mặt và chuyển tiền thông qua tài khoản Ngân hàng cho T với tổng số tiền là 456.000.000 đồng.

Trong đó, thông qua tài khoản ngân hàng T nhận tiền của chị G với tổng cộng 216.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 19/8/2022 nhận số tiền là 5.000.000 đồng; ngày 14/9/2022 nhận số tiền là 6.000.000 đồng; ngày 21/9/2022 nhận số tiền là 4.000.000 đồng; ngày 23/9/2022 nhận số tiền là 10.000.000 đồng; ngày 28/9/2022 nhận số tiền là 17.000.000 đồng; ngày 03/10/2022 nhận số tiền là 1.500.000 đồng; ngày 08/10/2022 nhận số tiền là 3.500.000 đồng; ngày 11/10/2022 nhận số tiền là 18.000.000 đồng; ngày 19/12/2022 nhận số tiền là 20.000.000 đồng; ngày 16/01/2023 nhận số tiền là 10.000.000 đồng; ngày 27/01/2023 nhận số tiền là 20.000.000 đồng; ngày 13/02/2023 nhận số tiền là 39.000.000 đồng; ngày 15/02/2023 nhận số tiền là 16.000.000 đồng; ngày 20/02/2023 nhận số tiền là 4.000.000 đồng; ngày 04/03/2023 nhận số tiền là 22.000.000 đồng.

Ngày 29/8/2022 T còn yêu cầu chị G chuyển tiền vào tài khoản của anh Nguyễn Văn M số tiền 10.000.000 đồng, sau đó T rút tiền sử dụng cá nhân.

Do thiếu tiền ông Phạm Thế T3 nên T đã ba lần yêu cầu chị G chuyển tiền cho T thông qua tài khoản của ông T3, xong T đã dùng số tiền này trả cho ông T3; từng lần như sau: Ngày 20/9/2022 chị G chuyển tiền 4.000.000 đồng; ngày 01/11/2022 chị G chuyển tiền là 2.000.000 đồng; ngày 21/12/2022 chị G chuyển tiền 4.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị Lê Thị Huỳnh G đã mười lần trực tiếp giao tiền mặt cho Trịnh Văn T với tổng số tiền 240.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 28/9/2022 T nhận số tiền 8.000.000 đồng; ngày 09/10/2022 T nhận số tiền 22.000.000 đồng; ngày 23/10/2022 T nhận số tiền 10.000.000 đồng; ngày 27/10/2022 T nhận số tiền 50.000.000 đồng; ngày 31/10/2022 T nhận số tiền 10.000.000 đồng; ngày 13/11/2022 T nhận số tiền 50.000.000 đồng; ngày 19/12/2022 T nhận số tiền 50.000.000 đồng; ngày 21/12/2022 T nhận số tiền 6.000.000 đồng; ngày 13/2/2023 T nhận số tiền 21.000.000 đồng; ngày 04/3/2023 T nhận số tiền 13.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền của chị Lê Thị Huỳnh G đưa bị cáo Trịnh Văn T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết, đến khi chị G yêu cầu T trả thì T không còn khả năng chi trả.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Huỳnh G yêu cầu bị cáo Trịnh Văn T trả số tiền 415.600.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 55/CT-VKS-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Trịnh Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/11/2024. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trịnh Văn T bồi thường cho chị Lê Thị Huỳnh G số tiền 415.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Văn T thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt và đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại chị Lê Thị Huỳnh G.

Bị hại chị Lê Thị Huỳnh G trình bày ý kiến: Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định. Về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo Trịnh Văn T trả số tiền 415.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Thế T3: Xét thấy trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của anh T3 nên việc vắng mặt họ không cản trở cho việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt anh T3.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trịnh Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo T đã nhiều lần chiếm đoạt tiền của chị G với tổng số tiền là 456.000.000 đồng. Từ những chứng cứ nêu trên đã có đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Trịnh Văn T đã đưa ra nhiều thông tin gian dối đối với chị Lê Thị Huỳnh G để chị G tin tưởng đưa tiền, nên từ ngày 19/8/2022 đến ngày 04/3/2023 bị cáo T đã nhiều lần chiếm đoạt tiền của chị G với tổng số tiền 456.000.000 đồng.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Trịnh Văn T là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, trực tiếp xâm hại quyền sở hữu về tài sản của

người khác. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Văn T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trịnh Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường, khắc phục hậu quả một phần thiệt hại cho bị hại; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu không thu giữ nên không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Văn T đã bồi thường cho chị Lê Thị Huỳnh G số tiền 35.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T tự nguyện bồi thường như yêu cầu của bị hại chị G, nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại, buộc bị cáo Trịnh Văn T tiếp tục bồi thường cho chị Lê Thị Huỳnh G số tiền 415.600.000 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 20.780.000 đồng.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn M và anh Phạm Thế T3 khi nhận tiền từ chị Lê Thị Huỳnh G chuyển khoản, do không biết hành vi phạm tội của bị cáo Trịnh Văn T nên không đề cập xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[10] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề khác có liên quan trong vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/11/2024.

2. Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu không thu giữ nên không xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Trịnh Văn T tiếp tục bồi thường cho chị Lê Thị Huỳnh G số tiền 415.600.000 đồng (bốn trăm mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Khoản tiền bồi thường kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm bồi thường thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm bồi thường tương ứng với thời gian chậm bồi

thường. Lãi suất chậm bồi thường thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trịnh Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 20.780.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trịnh Văn T, bị hại chị Lê Thị Huỳnh G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Thế T3 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đông Hải;
- CQĐT CA huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tăng Giàu

